

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

AMC

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 9
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0302525162 (số mới của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801) vào ngày 17 tháng 01 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng ký chứng khoán số 172/2010/GCNCP-VSD ngày 16 tháng 7 năm 2010 và Quyết định niêm yết số 480/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 7 năm 2010.

- **Vốn điều lệ** : 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 1 Đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3943 5447

Fax : (84-08) 3943 5446

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

Email : haiminhgroup@vnn.vn

Website : www.haiminh.com.vn

Mã chứng khoán : HMH

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,...

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%

Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,...	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh	Số 1, Đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,...	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,...	40,00%	40,00%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên		
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên		
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên		
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên		

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban		
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên		
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc	17/01/2012	01/01/2015
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc	01/01/2015	
Ông Nguyễn Thành Văn	Kế toán trưởng	01/01/2015	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 8 đến trang 37).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 13 tháng 01 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 0302525162, chuẩn y việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty, chức danh Tổng Giám đốc, từ ông Nguyễn Quốc Hùng sang ông Nguyễn Thế Hưng.

Ngoài sự việc nêu trên ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



NGUYỄN THẾ HÙNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 8 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)


Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HAI - Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1


NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.243.232.681	61.581.722.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.532.790.026	22.135.255.073
1. Tiền	111		10.532.790.026	6.135.255.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	16.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.550.000.000	800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.550.000.000	800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.136.824.833	34.533.820.562
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	27.215.303.875	22.921.252.354
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	795.000.000	3.037.711.804
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2.502.265.418	8.574.856.404
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(375.744.460)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.137.388.059	399.996.127
Hàng tồn kho	141		1.137.388.059	399.996.127
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.886.229.763	3.712.651.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.314.325.224	2.384.452.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.491.356	522.168.451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.963.549.643	344.190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.567.863.540	805.686.376
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.799.357.124	174.170.127.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		110.859.006.257	94.095.304.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93.649.563.940	73.277.037.997
Nguyên giá	222		138.431.523.183	118.064.244.984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.781.959.243)	(44.787.206.987)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.120.000.000	1.120.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	16.089.442.317	19.698.266.490
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		47.913.432.290	74.217.862.972
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	40.313.432.290	67.417.862.972
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	7.600.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.542.060.815	3.629.673.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4.294.110.815	2.881.723.675
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.247.950.000	747.950.000
VI. Lợi thế thương mại	269		1.484.857.762	2.227.286.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232.042.589.805	235.751.850.605

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (hợp nhất)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.929.824.187	18.856.473.012
I. Nợ ngắn hạn	310		13.787.955.134	18.343.303.959
1. Phải trả người bán	312	V.16	8.427.065.084	13.337.634.191
2. Người mua trả tiền trước	313		24.700.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.679.153.417	2.092.717.172
4. Phải trả người lao động	315		1.791.191.675	1.048.873.630
5. Chi phí phải trả	316		114.090.909	50.689.891
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	746.475.603	554.625.703
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	1.005.278.446	1.258.763.372
II. Nợ dài hạn	330		141.869.053	513.169.053
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		30.000.000	400.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.869.053	113.169.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.965.125.593	215.804.139.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	216.965.125.593	215.804.139.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	99.998.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.959.478.445	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(694.034.275)	(4.573.065.830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		733.424.655	742.424.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.745.703.936	5.574.565.936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		107.220.552.832	112.132.864.911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1.147.640.025	1.091.237.921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232.042.589.805	235.751.850.605

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



CHỈ TIÊU

Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
-------	-------------	-------------	------------

79.918,61

11.012,79

NGUYỄN THẾ HÙNG

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

(Có so sánh với số liệu năm 2013)

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.682.601.749	107.489.460.036
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.682.601.749	107.489.460.036
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.434.542.821	77.818.518.157
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.248.058.928	29.670.941.879
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.680.915.267	2.309.926.591
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	201.370.808	103.541.220
Trong đó: chi phí lãi vay	23		72.675.000	
8 Chi phí bán hàng	24			
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.946.586.900	10.313.810.695
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.781.016.487	21.563.516.555
11 Thu nhập khác	31	VI.6	21.390.673.413	1.564.553.244
12 Chi phí khác	32	VI.7	9.192.413.112	611.711.566
13 Lợi nhuận khác	40		12.198.260.301	952.841.678
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		15.804.746.233	22.456.411.163
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.784.023.021	44.972.769.396
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	7.034.093.560	5.699.124.928
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8		
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>40.749.929.461</u>	<u>39.273.644.468</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		185.151.240	235.701.185
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>40.564.778.221</u>	<u>39.037.943.283</u>
Trong đó:				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9.793.636	9.784.784
Chi phí bán trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4.141,95</u>	<u>3.989,66</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

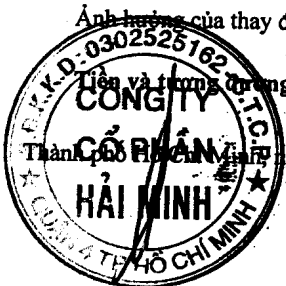
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		47.784.023.021	44.972.769.396
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11.010.774.826	11.339.631.407
- Các khoản dự phòng	03		375.744.460	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.627.047)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(24.197.413.007)	(29.715.036.564)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		34.971.502.253	26.597.364.239
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09		7.149.916.896	(498.853.585)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(737.391.932)	913.930.723
- Giảm các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập phải nộp)	11		(30.191.351.273)	(3.743.757.748)
- Tăng chi phí trả trước	12		(342.260.314)	(3.388.292.107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.558.250.175)	(5.712.377.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.239.375.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.816.278.926)	(3.174.503.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(284.738.471)	10.993.510.786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.792.001.122)	(32.593.254.504)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.860.000.000	963.454.546
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.050.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.300.000.000	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.829.000.000)	(6.030.950.216)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		31.472.832.851	1.310.182.500
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.227.731.448	22.732.918.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.189.563.177	(13.617.648.706)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		4.910.000.000	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.418.916.800)	(5.707.134.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.508.916.800)	(5.707.134.875)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.395.907.906	(8.331.272.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.135.255.073	30.466.527.868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.627.047	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.532.790.026	22.135.255.073



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

6. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

11. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3
Tài sản khác	5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

12. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp và mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

14. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của công ty đó. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

16. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 01 năm 2006. Do đó, năm 2012 Công ty không xử lý hoàn nhập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 180/2012-TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	621.027.910	1.049.926.467
Tiền gửi ngân hàng	10.911.762.116	5.085.328.606
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	25.532.790.026	22.135.255.073

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5,1%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8%/năm).

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn	4.550.000.000	800.000.000
Cộng	4.550.000.000	800.000.000

Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5%/năm - 6%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8%/năm).

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu khách hàng cung cấp các dịch vụ tại các đơn vị như sau:

Công ty Cổ phần Hải Minh	13.175.603.985	11.058.831.782
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.943.980.911	4.944.704.977
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	9.095.718.979	6.917.715.595
Cộng	27.215.303.875	22.921.252.354
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(375.744.460)	-
Phải thu khách hàng thuần	26.839.559.415	22.921.252.354

4. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	-	2.855.093.337
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	500.000.000	182.618.467
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	295.000.000	-
Cộng	795.000.000	3.037.711.804

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.060.148.239	8.365.770.257
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	29.642.800	6.703.545
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	1.412.474.379	202.382.602
Cộng	<u>2.502.265.418</u>	<u>8.574.856.404</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	342.968.721	1.010.785.252	930.896.967	422.857.006
Chi phí sửa chữa	55.676.912	160.608.180	152.317.594	63.967.498
Công cụ, dụng cụ	604.370.988	4.624.334.701	4.518.742.759	709.962.930
Thuê văn phòng	-	1.086.671.732	1.086.671.732	-
Chi phí khác	1.381.435.429	474.615.573	1.738.513.212	117.537.790
Cộng	<u>2.384.452.050</u>	<u>7.357.015.438</u>	<u>8.427.142.264</u>	<u>1.314.325.224</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.157.454.126	169.771.437
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	241.511.461	519.811.084
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	168.897.953	116.103.855
Cộng	<u>1.567.863.540</u>	<u>805.686.376</u>
<i>Chi tiết tài sản ngắn hạn như sau:</i>		
Tạm ứng	828.488.540	805.686.376
Ký quỹ ngắn hạn	739.375.000	-
Cộng	<u>1.567.863.540</u>	<u>805.686.376</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	46.986.826.725	12.752.962.894	54.646.025.248	547.178.435	3.131.251.682	118.064.244.984
Tăng trong năm	15.316.270.734	3.141.277.728	17.718.915.034	3.261.485.208	962.876.591	40.400.825.295
Giảm trong năm	-	-	20.033.547.096	-	-	20.033.547.096
Số cuối năm	62.303.097.459	15.894.240.622	52.331.393.186	3.808.663.643	4.094.128.273	138.431.523.183
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu năm	13.157.737.828	8.495.790.316	22.518.553.391	510.750.396	104.375.056	44.787.206.987
Tăng trong năm	3.279.939.924	899.774.949	5.841.286.361	340.570.746	649.202.846	11.010.774.826
Giảm trong năm	-	-	11.016.022.570	-	-	11.016.022.570
Số cuối năm	16.437.677.752	9.395.565.265	17.343.817.182	851.321.142	753.577.902	44.781.959.243
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	33.829.088.897	4.257.172.578	32.127.471.857	36.428.039	3.026.876.626	73.277.037.997
Số cuối năm	45.865.419.707	6.498.675.357	34.987.576.004	2.957.342.501	3.340.550.371	93.649.563.940
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	-	6.928.500.191	2.584.038.805	446.660.149	-	9.959.199.145
Số cuối năm	-	6.928.500.191	5.128.803.013	493.860.149	-	12.551.163.353

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn, lâu dài nên không trích khấu hao.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	1.120.000.000	1.120.000.000
Hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại	1.120.000.000	1.120.000.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí đóng mới xà lan	2.760.000.000	1.280.400.000
Chi phí xây dựng văn phòng làm việc	13.329.442.317	18.417.866.490
Cộng	16.089.442.317	19.698.266.490

11. Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Cùng ngành, nghề	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%

12. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>26.045.219.451</i>	<i>10.742.465.800</i>
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	18.175.783.651	3.902.030.000
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	7.069.435.800	6.040.435.800
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	800.000.000	800.000.000
<i>Phần lợi nhuận (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư</i>	<i>14.268.212.839</i>	<i>56.675.397.172</i>
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	14.235.549.916	56.103.436.745
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	343.076.797	(249.477.441)
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	(310.413.874)	821.437.868
Cộng	40.313.432.290	67.417.862.972

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	25,00%	25,00%	18.175.783.651	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,...
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Số 1, Đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	7.069.435.800	Cùng ngành, nghề
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	800.000.000	Cùng ngành, nghề
Cộng				26.045.219.451	

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	7.600.000.000	6.800.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Tầng 7, Số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	4,00%	5.800.000.000	Vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Số 14 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	1.800.000.000	Kinh doanh vận tải đa phương thức. Cho thuê kho bãi
Cộng			7.600.000.000	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi nhận từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.600.000.000	1.250.000.000
Cộng	1.600.000.000	1.250.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	21.833.765	200.885.000	106.508.767	116.209.998
Chi phí thi công văn phòng	709.873.140	21.786.000	286.750.174	444.908.966
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.059.114.248	3.613.990.468	2.052.026.498	3.621.078.218
Chi phí khác	90.902.522	102.909.091	81.897.980	111.913.633
Cộng	2.881.723.675	3.939.570.559	2.527.183.419	4.294.110.815

15. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ thuê văn phòng	202.950.000	202.950.000
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	540.000.000	540.000.000
Ký quỹ taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh	500.000.000	-
Cộng	1.247.950.000	747.950.000

16. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	6.594.278.234	8.411.599.714
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	155.745.950	2.990.672.431
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	1.677.040.900	1.935.362.046
Cộng	8.427.065.084	13.337.634.191

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa nộp thừa đầu năm (*)	(344.190)	2.524.062.154	2.144.827.190	378.890.774
Thuế GTGT hàng bán nội địa nộp thừa cuối năm (*)	117.133.916	(332.719.069)	1.655.196.086	(1.870.781.239)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.449.529.702	7.071.523.101	7.558.250.175	962.802.628
Thuế thu nhập cá nhân	146.988.959	1.573.570.567	1.467.914.209	252.645.317
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa (*)	113.027.015	99.055.484	304.850.903	(92.768.404)
Thuế nhà Thầu	66.428.980	1.046.395.418	1.028.009.700	84.814.698
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	199.608.600	820.122.780	1.019.731.380	-
Các khoản phải nộp khác	-	18.297.000	18.297.000	-
Cộng	2.092.372.982	12.848.604.435	15.225.373.643	(284.396.226)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Số dư các loại thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”.

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ, hàng hóa trong nước

0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	554.059.156	276.292.530
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	178.023.938	264.462.673
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	14.392.509	13.870.500
Cộng	<u>746.475.603</u>	<u>554.625.703</u>

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	723.309.697	2.601.897.000	2.453.727.909	871.478.788
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	535.453.675	1.951.897.000	2.353.551.017	133.799.658
Cộng	<u>1.258.763.372</u>	<u>4.553.794.000</u>	<u>4.807.278.926</u>	<u>1.005.278.446</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHSố 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****Tình hình biến động vốn chủ sở hữu qua các năm**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	39.037.943.283	39.037.943.283
Giảm quỹ đầu tư phát triển của công ty con giải thể	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(1.308.935.460)	-	-	(1.308.935.460)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(4.892.392.000)	(4.892.392.000)
Giảm khác	-	-	-	-	1.198.568.000	(5.193.796.000)	(3.995.228.000)
Số cuối năm trước/	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Tăng vốn trong năm nay	-	1.030.968.445	3.879.031.555	-	-	-	4.910.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	40.564.778.221	40.564.778.221
Tăng khác	1.160.000	-	-	-	-	(1.160.000)	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(26.418.916.800)	(26.418.916.800)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	1.171.138.000	(5.424.932.000)	(4.253.794.000)
Giảm khác	-	-	-	(9.000.000)	-	-	(9.000.000)
Điều chỉnh do xác định lợi tỷ lệ vốn góp của công ty liên kết (do có sự biến động giảm tỷ lệ vốn góp trong công ty liên kết)	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm nay	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	733.424.655	6.745.703.936	107.220.552.832	216.965.125.593

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm 2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014, trong đó cổ tức được chia cho các cổ đông với tỷ lệ là 17% vốn điều lệ.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	331.038	3,31%	331.038
Ông Nguyễn Văn Hà	2,64%	263.667	2,64%	263.667
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	1,21%	120.653	1,21%	120.653
Ông Nguyễn Thế Quân	3,51%	351.380	3,34%	334.010
Ông Lý Tiến Dũng	3,12%	311.996	3,12%	311.996
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,50%	249.848	2,29%	229.004
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	2,22%	222.024	2,05%	204.654
Ông Nguyễn Trung Kiên	2,26%	225.718	2,05%	204.874
Ông Phùng Văn Quang	2,53%	252.707	2,32%	231.863
Peter Eric Dennis	3,24%	324.492	3,24%	324.492
Erikossjotrasto Elite (Mutual Fund Elite (None-Ucits))	3,00%	300.000	3,00%	300.000
TTK Global Resources Pte. Ltd.	2,34%	234.418	2,34%	234.418
Cổ đông khác	68,12%	6.812.059	69,09%	6.909.331
Cộng	100,00%	10.000.000	100,00%	10.000.000
				100.000.000.000
				3.310.380.000
				2.636.670.000
				1.206.530.000
				3.513.800.000
				3.119.960.000
				2.498.480.000
				2.220.240.000
				2.257.180.000
				2.527.070.000
				3.244.920.000
				3.000.000.000
				2.344.180.000
				68.120.590.000
				69.093.310.000
				100.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	31.716	215.216
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.716</i>	<i>215.216</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.968.284	9.784.784
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.968.284</i>	<i>9.784.784</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	37.734.235.551	37.345.786.120
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	38.459.222.983	47.272.581.189
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	35.489.143.215	22.871.092.727
Cộng	<u>111.682.601.749</u>	<u>107.489.460.036</u>

2. Giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	28.023.443.908	26.544.632.980
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	20.440.940.128	36.305.754.646
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	11.809.479
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	36.970.158.785	14.956.321.052
Cộng	<u>85.434.542.821</u>	<u>77.818.518.157</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	3.573.647.920	1.575.492.994
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	39.144.289	278.216.096
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	230.130.853
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	89.343.949
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	68.123.058	136.742.699
Cộng	<u>3.680.915.267</u>	<u>2.309.926.591</u>

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	201.370.808	103.529.220
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	12.000
Cộng	<u>201.370.808</u>	<u>103.541.220</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	5.286.549.099	5.177.809.289
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.820.107.511	3.239.117.414
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	26.785.726
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	270.231.580
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	1.839.930.290	1.599.866.686
Cộng	<u>9.946.586.900</u>	<u>10.313.810.695</u>

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	20.705.218.868	1.106.130.910
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	530.909.090	17.318.181
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	91.104.153
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	154.545.455	350.000.000
Cộng	<u>21.390.673.413</u>	<u>1.564.553.244</u>

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	9.103.616.867	472.684.181
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	73.862.944	17.157.457
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	121.869.928
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	14.933.301	-
Cộng	<u>9.192.413.112</u>	<u>611.711.566</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế	47.784.023.021	44.972.769.396
Các khoản điều chỉnh:		
Cộng: Điều chỉnh tăng	(15.810.870.478)	(21.688.802.027)
Trừ: Điều chỉnh giảm	853.073.922	338.387.414
Thu nhập chịu thuế	(16.663.944.400)	(22.027.189.441)
<u>Trong đó:</u>	<u>31.973.152.543</u>	<u>23.283.967.369</u>
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 20%	-	3.400.823.844
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 22%	31.973.152.543	-
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 25%	-	20.075.840.635
Lỗi tính thuế theo thuế suất 25%	-	(192.697.110)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
<u>Trong đó:</u>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%	-	680.164.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%	7.034.093.560	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%	-	5.018.960.159
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	<u>7.034.093.560</u>	<u>5.699.124.928</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	9.784.784	9.784.784
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	183.500	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.793.636	9.784.784
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.564.778.221	39.037.943.283
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.141,95	3.989,66

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	26.876.300.813	26.809.485.546
Chi phí nhân viên	23.122.076.663	15.381.673.156
Chi phí khấu hao	11.085.681.424	9.296.112.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.033.739.268	23.957.850.165
Chi phí bằng tiền khác	7.263.331.553	12.687.207.530
Cộng	95.381.129.721	88.132.328.852

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	2.558.664.000	2.982.384.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	6.049.008.000	7.540.200.000
Cộng	8.607.672.000	10.522.584.000

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê văn phòng và bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê văn phòng số 05/2013/HĐ ngày 25 tháng 6 năm 2013 với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 4 về việc thuê 214 m² văn phòng làm việc tại tòa nhà Đinh Lễ tại địa chỉ số 01 Đinh Lễ, phường 12, quận 4, Tp. HCM, thời hạn 02 năm bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2013.
- Hợp đồng thuê bãi lưu container 01/2013 ngày 11 tháng 3 năm 2013 với Công ty CP SX - TM - XD Long Bình về việc thuê lại 14.826 m² đất tại 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, quận 9, Tp. HCM với thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 4 năm 2013, đơn giá thuê là 144.000 VND/m²/năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Doanh thu dịch vụ vận tải	1.577.297.610	2.887.962.152
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	29.090.909	-
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam		
Lợi nhuận được chia	44.562.020.000	14.739.925.200
Doanh thu giao nhận (gồm cả thu hộ Samudera)	2.645.233.089	33.580.326.077
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú		
Doanh thu dịch vụ vận tải	1.230.566.453	1.446.651.273
Lãi cho vay	22.750.000	-

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu dịch vụ cung cấp	1.778.099.474	1.017.366.934
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam		
Phải thu khách hàng	4.140.139.556	3.169.391.383
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú		
Phải thu dịch vụ cung cấp	1.274.848.500	1.393.092.900

3. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Hải Minh và các Công ty con đều hoạt động trong cùng ngành, nghề là cung cấp dịch vụ tiếp vận, cụ thể: Cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải, kinh doanh kho bãi container và các dịch vụ khác: dịch vụ khai thác cảng, đại lý tàu biển, đại lý giao nhận,... Cho nên, thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất chính là thông tin về Báo cáo theo Bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ tiếp vận của Công ty chủ yếu diễn ra tại hai khu vực là thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành phố Hồ Chí Minh	37.090.038.460	37.345.786.120
Thành phố Hải Phòng	74.592.563.289	70.143.673.916
Cộng	111.682.601.749	107.489.460.036

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành phố Hồ Chí Minh	23.330.600.467	22.485.232.254	13.585.307.991	6.176.807.279
Thành phố Hải Phòng	71.438.963.473	51.911.805.743	26.815.517.304	7.554.067.843
Cộng	94.769.563.940	74.397.037.997	40.400.825.295	13.730.875.122

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa Tại ngày nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.7.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.532.790.026	22.135.255.073
Đầu tư ngắn hạn	4.550.000.000	800.000.000
Phải thu khách hàng	26.839.559.415	22.921.252.354
Các khoản phải thu khác	2.502.265.418	8.574.856.404
Ký quỹ ngắn hạn	739.375.000	-
Đầu tư dài hạn khác	7.600.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	1.247.950.000	747.950.000
Cộng	69.011.939.859	61.979.313.831
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	8.427.065.084	13.337.634.191

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị số sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả	114.090.909	50.689.891
Phải trả khác ngắn hạn	746.475.603	554.625.703
Phải trả khác dài hạn	30.000.000	400.000.000
Cộng	9.317.631.596	14.342.949.785

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá hối đoái và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung ở lĩnh vực cung cấp dịch tiếp vận, cho nên, Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các khách hàng quen thuộc, tìm hiểu kỹ thông tin về khả năng tài chính đối với các đơn vị giao dịch lần đầu và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi, duy trì số dư công nợ ở mức giá trị dịch vụ cung cấp lần trước. Trên cơ sở này, rủi ro tín dụng của khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	8.427.065.084	-	-	8.427.065.084
Chi phí phải trả	114.090.909	-	-	114.090.909
Phải trả khác ngắn hạn	746.475.603	-	-	746.475.603
Phải trả khác dài hạn	-	30.000.000	-	30.000.000
Cộng	9.287.631.596	30.000.000	-	9.317.631.596
Tiền và các khoản tương đương tiền				
Đầu tư ngắn hạn	25.532.790.026	-	-	25.532.790.026
Phải thu khách hàng	4.550.000.000	-	-	4.550.000.000
Các khoản phải thu khác	26.839.559.415	-	-	26.839.559.415
Ký quỹ ngắn hạn	2.502.265.418	-	-	2.502.265.418
Đầu tư dài hạn khác	739.375.000	-	-	739.375.000
Ký quỹ dài hạn	-	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Cộng	60.163.989.859	1.247.950.000	7.600.000.000	69.011.939.859
Chênh lệch thanh khoản thuần	50.876.358.263	1.217.950.000	7.600.000.000	59.694.308.263
Số đầu năm				
Phải trả người bán	13.337.634.191	-	-	13.337.634.191
Chi phí phải trả	50.689.891	-	-	50.689.891
Phải trả khác ngắn hạn	554.625.703	-	-	554.625.703
Phải trả khác dài hạn	-	400.000.000	-	400.000.000
Cộng	13.942.949.785	400.000.000	-	14.342.949.785
Tiền và các khoản tương đương tiền				
Đầu tư ngắn hạn	22.135.255.073	-	-	22.135.255.073
Phải thu khách hàng	800.000.000	-	-	800.000.000
Các khoản phải thu khác	22.921.252.354	-	-	22.921.252.354
Ký quỹ ngắn hạn	8.574.856.404	-	-	8.574.856.404
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
Ký quỹ dài hạn	-	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	54.431.363.831	747.950.000	6.800.000.000	61.979.313.831

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch thanh khoản thuần	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	40.488.414.046	347.950.000	6.800.000.000	47.636.364.046

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

5. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015



NGUYỄN THẾ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu